

Số: 04/2025/QĐST-VHNGĐ

Gò Công, ngày 03 tháng 01 tháng 2025

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC HÔN NHÂN GIA ĐÌNH
V/v: “Yêu cầu xác định cha cho con”

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ GÒ CÔNG, TỈNH TIỀN GIANG

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp:* Bà Nguyễn Thị Thu Thảo.
- *Thư ký phiên họp:* Bà Dương Hồng Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Gò Công, tỉnh Tiền Giang.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Gò Công, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên họp:* Bà Nguyễn Trường Bảo V - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Gò Công, tỉnh Tiền Giang mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc hôn nhân gia đình thụ lý số: 129/2024/TLST-VDS ngày 08/10/2024, về việc “*Yêu cầu xác định cha cho con*” theo Quyết định mở phiên họp giải quyết việc dân sự số: 236/2024/QĐST-VDS ngày 22/11/2024 và Quyết định hoãn phiên họp số 227/2024/QĐST-VDS ngày 20 tháng 12 năm 2024, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

1/ Người yêu cầu: Chị Lê Thị N, sinh năm: 1992; (Xin vắng mặt)
Địa chỉ: Thôn Y, xã M, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.
Tạm trú: ấp M, xã B, thành phố G, tỉnh Tiền Giang.

2/ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

2.1/ Anh Nguyễn Minh H, sinh năm: 1993; (Xin vắng mặt)
Địa chỉ: ấp M, xã B, thành phố G, tỉnh Tiền Giang.

2.2/ Anh Đỗ Ngọc T, sinh năm: 1990; (Vắng mặt)
Địa chỉ: Số nhà F thôn M, xã H, huyện H, tỉnh Bình Thuận.

NỘI DUNG VIỆC HÔN NHÂN GIA ĐÌNH:

** Tại đơn yêu cầu, bản tự khai, quá trình tố tụng chị Lê Thị N là người yêu cầu trình bày như sau:*

Năm 2019 chị và anh H có mối quan hệ tình cảm trong thời gian ly thân với anh Đỗ Ngọc T. Sau nhiều lần nộp đơn ly hôn với anh T nhưng do dịch covid không đến Tòa án được nên Tòa án đã đình chỉ vụ án. Tháng 3/2024 chị nộp đơn ly hôn với anh T

và được Toà án nhân dân huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận ra quyết định Công nhận sự thoả thuận của đương sự số 32/2024/QĐST-HNGĐ ngày 01/4/2024. Ngày 11/7/2024 chị và anh H được Ủy ban nhân dân xã B cấp giấy chứng nhận kết hôn số 88/2024.

Ngày 14/01/2019 chị Lê Thị N sinh 01 bé trai tại Bệnh viện đa khoa Như Thanh theo giấy chứng sinh ngày 16/05/2023 (cấp lại) số 30, quyển số 5, dự định đặt tên con là Nguyễn Minh T1;

Ngày 25/8/2021 chị Lê Thị N sinh 01 bé gái tại Bệnh viện đa khoa Khu vực Gò Công theo giấy chứng sinh ngày 25/8/2021 số 0001725, quyển số 08/2021, dự định đặt tên con là Nguyễn Thị Thùy D;

Do chị N sinh 02 con trước khi kết hôn với anh H nên chị không có đăng ký khai sinh cho con theo quy định pháp luật được vì vậy chị N yêu cầu Toà án xác định 02 cháu Nguyễn Minh T1, sinh ngày 14/01/2019 và Nguyễn Thị Thùy D, sinh ngày 25/8/2021 là con ruột của anh Nguyễn Minh H để chị đi đăng ký khai sinh theo quy định.

Chị N có nộp 02 phiếu xét nghiệm AND của Trung tâm C, kết quả Nguyễn Minh T1 và Nguyễn Thị Thùy D có quan hệ huyết thống cha con, tần suất 99.99999987%.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Minh H trình bày:*

Thông nhất với lời trình bày của chị Lê Thị N, thông nhất cháu Nguyễn Minh T1 và Nguyễn Thị Thùy D là con đẻ của anh.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Đỗ Ngọc T vắng mặt không có yêu cầu hay ý kiến gì.*

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Gò Công phát biểu ý kiến:*

- Về tố tụng, trong quá trình giải quyết vụ việc Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Căn cứ khoản 10 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, điểm t khoản 2 Điều 39, Điều 370 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 88, khoản 1 Điều 89, Điều 101, khoản 2 Điều 102 Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị chấp nhận yêu cầu của chị Lê Thị N.

- Về lệ phí: Chị N được miễn lệ phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc hôn nhân gia đình được thẩm tra tại phiên họp, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng: Về quan hệ pháp luật là yêu cầu xác định cha cho con. Người yêu cầu và người liên quan có nơi cư trú tại xã B, thành phố G, tỉnh tiền G. Căn cứ quy định tại khoản 10 Điều 29; điểm b khoản 2 Điều 35; Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân

sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Gò Công, tỉnh Tiền Giang.

Các đương sự có đơn xin vắng tại phiên họp, anh T vắng mặt không có ý hay yêu cầu gì nên Tòa án vẫn tiến hành mở phiên họp là phù hợp theo quy định tại Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Chị N yêu cầu Tòa án xác định 02 cháu Nguyễn Minh T1, sinh ngày 14/01/2019 (theo giấy chứng sinh ngày 16/05/2023 (cấp lại) số 30, quyển số 5 của Bệnh viện Đ) và Nguyễn Thị Thùy D, sinh ngày 25/8/2021 (theo giấy chứng sinh ngày 25/8/2021 số 0001725, quyển số 08/2021 của Bệnh viện Đ1) là con ruột của anh Nguyễn Minh H để chị đi đăng ký khai sinh theo quy định.

Do chị N sinh 02 người con trước khi kết hôn với anh Nguyễn Minh H (trong thời gian ly thân với anh T) nên chị không có đăng ký khai sinh theo quy định pháp luật được.

Chị N và anh T đã được Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận ra Quyết định Công nhận sự thoả thuận của đương sự số 32/2024/QĐST-HNGĐ ngày 01/4/2024, trong Quyết định này chỉ ghi 01 người con chung tên là Đỗ Thị H1, sinh ngày 09/9/2010.

Ngày 11/7/2024 chị N và anh H được Ủy ban nhân dân xã B cấp giấy chứng nhận kết hôn số 88/2024.

Theo kết quả 02 phiếu xét nghiệm AND của Trung tâm C, kết quả Nguyễn Minh T1, Nguyễn Thị Thùy D và Nguyễn Minh H có quan hệ huyết thống cha con, tần suất 99.99999987%.

Từ những phân tích nêu trên có căn cứ chấp nhận yêu cầu của chị N, xác định anh Nguyễn Minh H là cha đẻ của Nguyễn Minh T1 và Nguyễn Thị Thùy D.

[3]. Về lệ phí: Chị Lê Thị N được miễn lệ phí theo quy định tại điểm b, khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nên chấp nhận.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 10 Điều 29, Điều 366, Điều 367, Điều 369; Điều 370, 371, Điều 372 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Điều 101, 102 Luật hôn nhân và gia đình;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu của chị Lê Thị N.

Xác định anh Nguyễn Minh H, sinh ngày 03/5/1993, Căn cước công dân số 082093014672 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 19/02/2022 là cha đẻ của cháu Nguyễn Minh T1, sinh ngày 14/01/2019 theo giấy chứng sinh ngày 16/05/2023 (cấp lại) số 30, quyển số 5 của Bệnh viện Đ và cháu Nguyễn Thị Thùy D, sinh ngày 25/8/2021 theo giấy chứng sinh ngày 25/8/2021 số 0001725, quyển số 08/2021 của Bệnh viện Đ1, tỉnh Tiền Giang.

2. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc hôn nhân gia đình: Chị Lê Thị N được miễn lệ phí theo quy định tại điểm b, khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

3. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Người yêu cầu, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Tòa án ra quyết định. Trường hợp vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được quyết định giải quyết việc dân sự hoặc kể từ ngày quyết định đó được thông báo, niêm yết. Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND TPGC;
- Chi cục THADS TPGC;
- UBND xã Bình Đông, TPGC;
- Người yêu cầu; NLQ;
- Lưu HS, AV.

Nguyễn Thị Thu Thảo